

Những lý luận gắn kết khoa học - công nghệ và kinh tế phù hợp với các nước đang phát triển

HOÀNG XUÂN LONG*

HOÀNG LAN CHI**

Tóm tắt: Các nước đang phát triển không thể chỉ trông cậy vào lý luận dựa trên kinh nghiệm của các nước phát triển để rút ngắn khoảng cách tụt hậu và tiến tới bắt kịp các nước phát triển trong quan hệ gắn kết khoa học - công nghệ với kinh tế. Thực tế thành công của Đài Loan, Trung Quốc... đã chỉ ra các nền kinh tế đang phát triển cần thiết và có thể đi lên bằng những sáng kiến riêng của mình. Có các lý luận khác nhau dành cho các nước đang phát triển. Lựa chọn đúng lý luận phù hợp, các nước đang phát triển có thể tạo nên sức mạnh cạnh tranh với các nước phát triển trong quan hệ gắn kết KH&CN với kinh tế.

Từ khóa: Khoa học - công nghệ, kinh tế, gắn kết, các nước đang phát triển.

1. Lý luận gắn của các nước phát triển về quan hệ gắn kết khoa học - công nghệ và kinh tế từ góc nhìn của các nước đang phát triển

Lý luận dựa trên kinh nghiệm của các nước phát triển (gọi tắt là lý luận của các nước phát triển) về quan hệ gắn kết khoa học - công nghệ (KH&CN) và kinh tế thường gây ấn tượng đối với các nước đang phát triển trên các mặt sau:

i) Được minh chứng bởi thực tế thành công của các nước phát triển. Lý luận này gắn với tổng kết những kinh nghiệm đã được khẳng định trong lịch sử của các nước phát triển. Đó cũng là những thành công phải đánh đổi bởi nhiều công sức và sự trả giá mới có được.

ii) Nhấn mạnh đến các tính ưu việt khá lý tưởng của KH&CN như tạo sự phát triển kinh tế

toàn diện và mức độ cao, khả năng áp dụng KH&CN rộng rãi trong sản xuất, KH&CN có lợi thế hơn hẳn các yếu tố sản xuất khác (như lao động, vốn...).

iii) Được thể hiện bằng những lập luận logic chặt chẽ và phương pháp nghiên cứu khá bài bản, công phu.

iv) Có ý nghĩa là những công cụ giúp đối phó với sức ép cạnh tranh từ bên ngoài.

v) Có nguồn tài chính hỗ trợ để tuyên truyền, áp dụng lý luận của các nước phát triển vào các nước đang phát triển.

Các đặc điểm trên thể hiện cả sự hấp dẫn (đặc điểm 1,2,3,5) và áp lực (đặc điểm 4) phải áp dụng lý luận của các nước phát triển vào các nước đang phát triển. Nhiều nước đang phát triển coi lý luận của các nước phát triển như

*Bộ Khoa học và Công nghệ

đường hướng để thực hiện tham vọng vươn lên xóa bỏ khoảng cách tụt hậu. Tuy nhiên, thực tế đã bộc lộ những hạn chế đáng kể trong phát huy tác dụng của lý luận của các nước phát triển đối với các nước đang phát triển như:

- Một số giá trị lý luận của các nước phát triển không có ý nghĩa thực chất đối với các nước đang phát triển. Thành công trên thực tế của các nước phát triển có sự góp phần của đặc điểm riêng, bối cảnh lịch sử riêng... mà các nước đang phát triển không có. Tính ưu việt khá lý tưởng của KH&CN chỉ là những nhận định chủ quan được nhìn nhận từ một số góc độ phiến diện và chưa mang tính tuyệt đối. Lập luận logic và phương pháp mang tính khoa học có ý nghĩa “giải thích lịch sử” hơn là “làm nên lịch sử” (tức là nhìn về phía sau hơn là nhìn về phía trước). Có khá nhiều thất bại trong việc áp dụng lý luận của các nước phát triển vào các nước đang phát triển...

- Một số giá trị lý luận của các nước phát triển có ý nghĩa thực chất đối với các nước đang phát triển thì chỉ giới hạn ở phạm vi hạn hẹp. Nhấn mạnh tính ưu việt của KH&CN có thể mang lại sự khích lệ tinh thần, thúc đẩy ý chí phát triển kinh tế dựa trên KH&CN của các nước đang phát triển. Có một phần lập luận logic và phương pháp nghiên cứu trong lý luận của các nước phát triển có thể áp dụng phân tích thực tế của nước đang phát triển.

- Tuyên truyền và phổ biến lý luận của các nước phát triển về quan hệ gắn kết KH&CN và kinh tế sẽ phụ thuộc vào ý đồ của các nước phát triển. Có ý đồ tốt và ý đồ xấu. Ý đồ tốt mong muốn các nước đang phát triển vươn lên để góp sức giải quyết những vấn đề chung của thế giới (môi trường, đói nghèo, dịch bệnh...) hoặc trong các quan hệ đối tác kinh tế cùng có lợi. Ý đồ xấu gây ảnh hưởng và khống chế các nước đang phát triển trong vòng kiểm soát và không thể trở thành đối thủ cạnh tranh trong tương lai. Lý luận về mô hình phát triển là một công cụ bành trướng thường được sử dụng cùng với công cụ ngoại giao, kinh tế... Ý đồ tốt được

giới hạn trong những phạm vi, tình huống nhất định; và khi có xung đột giữa ý đồ tốt và ý đồ xấu, ý đồ xấu dễ thắng thế nhờ xu hướng đề cao lợi ích cục bộ của các nước.

Các nước đang phát triển không thể chỉ trông cậy vào kinh nghiệm có sẵn để đạt được mốc ngang bằng những nước đi trước trong gắn kết KH&CN với kinh tế. Theo cách nói của Héraclite¹ “Không ai có thể tắm hai lần trên một dòng sông”, ở đây có thể khẳng định “Không thể đạt được hai lần phát triển với đúng một loại sáng tạo”. Do vậy, các nước đang phát triển cần có sáng tạo riêng của mình. Sáng tạo riêng của nước đang phát triển phải gần với và bám sát kinh nghiệm của nước phát triển. Cụ thể là sáng tạo của nước đang phát triển tập trung vào khắc phục những hạn chế, bất cập trong việc ứng dụng kinh nghiệm bên ngoài vào giải quyết những vấn đề trong nước...

2. Một số điển hình thành công về sáng tạo cách đi riêng trong gắn kết KH&CN và kinh tế của các nước đang phát triển

Thực tế đã chỉ ra những ví dụ về cách đi riêng gắn kết KH&CN với kinh tế mang lại sự thành công trong phát triển rút ngắn khoảng cách và tiến tới bắt kịp các nước phát triển của một số nước (và vùng lãnh thổ) đang phát triển:

- Hàn Quốc thành công với cách đi riêng bao gồm các đặc trưng nổi bật²:

+ Nhập công nghệ thông qua hình thức OEM (sản xuất thiết bị gốc - Original Equipment Manufacturer) và ODM (sản xuất theo mẫu thiết kế ban đầu - Origin Design Manufacture), hợp tác nghiên cứu với đối tác bên ngoài, đầu tư vào công ty công nghệ cao của nước ngoài.

¹ Héraclite (Herákleitos – tiếng Hy Lạp): Trét gia theo chủ nghĩa duy vật Hy Lạp cổ đại. Khoảng 535 TCN – 475 TCN).

² Đây là những đặc trưng của thời kỳ Hàn Quốc còn là nước đang phát triển và đã góp phần đưa Hàn Quốc trở thành nước công nghiệp phát triển vào giữa thập kỷ 1990 của thế kỷ trước.

+ Các doanh nghiệp lớn (Chaebol) đóng vai trò tiên phong trong ứng dụng KH&CN sản xuất.

+ Viện Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc (KIST) phục vụ hiệu quả các ngành kinh tế mũi nhọn và đóng vai trò hạt nhân trong thúc đẩy gắn kết KH&CN và sản xuất.

+ Thành phố khoa học Taedok nhằm vào nuôi dưỡng các mối liên kết gần gũi hơn giữa các tổ chức nghiên cứu và công nghiệp.

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo ra từ ứng dụng KH&CN thông qua kết hợp hiệu quả giữa định hướng thay thế nhập khẩu và khuyến khích xuất khẩu; Phát triển các công ty thương mại tổng hợp (GTC) trở thành công cụ để tập trung hóa và đa dạng hóa xuất nhập khẩu.

- Đài Loan thành công với cách đi riêng bao gồm các đặc trưng nổi bật³:

+ Coi trọng học hỏi quản lý từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đài Loan đã thu hút được nhiều FDI nhưng ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài không chủ yếu ở năng lực công nghệ mà là quản lý. Các công ty Đài Loan tích cực học kỹ năng quản lý từ các công ty có vốn FDI và tạo ra nhiều hệ thống quản lý sản phẩm kiểu như hãng Acer đã thực hiện. Do hầu hết các cơ sở là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên luồng di chuyển nhân lực đã tạo ra khả năng dễ dàng học hỏi lẫn nhau để hoàn thiện hệ thống quản lý⁴. Khác với chỉ quan tâm làm sao có công nghệ mới và thực hiện công nghệ đó, bỏ qua

³ Đây là những đặc trưng của thời kỳ Đài Loan còn là nền kinh tế đang phát triển và đã góp phần đưa Đài Loan thành nước công nghiệp phát triển vào giữa thập kỷ 1990 của thế kỷ trước.

⁴ Phạm vi quản lý bao gồm cả quy trình công nghệ, chất lượng sản phẩm và năng lực kế hoạch. Tính hiệu quả được quyết định bởi nghệ thuật điều hành, khả năng phối hợp giữa các bộ phận và từng cá nhân trong tổ chức. Ở đây, năng lực tổ chức học hỏi được tích lũy liên tục có vai trò rất quan trọng. Cùng với sáng tạo công nghệ, doanh nghiệp và các đơn vị, cơ quan nghiên cứu triển khai Đài Loan đã giành những nỗ lực đáng kể để nâng cao trình độ tổ chức học hỏi nhằm có được năng lực sản xuất hàng loạt cao hơn.

mất việc xây dựng cơ sở để đảm bảo chất lượng của sản phẩm (tức là cho rằng cứ có công nghệ hiện đại là có chất lượng sản phẩm tốt), Đài Loan ý thức rõ chỉ có xây dựng một “văn hoá chất lượng sản phẩm”, xây dựng một quy trình công nghệ về chất lượng sản phẩm.

+ Doanh nghiệp nhỏ tích cực đổi mới công nghệ nhằm cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường quốc tế.

+ Viện Nghiên cứu Công nghệ Công nghiệp Đài Loan (ITRI) phục vụ hiệu quả các ngành kinh tế mũi nhọn và đóng vai trò hạt nhân trong thúc đẩy gắn kết KH&CN và sản xuất.

+ Khu Công nghệ cao (CNC) Tân Trúc (Hsinchu) phát triển dựa trên nguyên tắc xây dựng môi trường khởi nghiệp sáng tạo thuận lợi cho các công ty CNC và hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại phù hợp với đòi hỏi của các lĩnh vực CNC.

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo ra từ ứng dụng KH&CN thông qua chuyển hướng hợp lý từ thay thế nhập khẩu sang hướng ngoại, khuyến khích xuất khẩu; phát triển các khu chế xuất (EPZ)...

- Trung Quốc thành công với cách đi riêng bao gồm các đặc trưng nổi bật:

+ Con đường “thích ứng chuyển đổi” công nghệ nước ngoài của Trung Quốc được thực hiện theo một chu trình gồm ba giai đoạn: đầu tiên, thu hút đầu tư nước ngoài để lắp ráp sản phẩm, gia công theo thiết kế chế tạo gốc; tiếp theo, thông qua các quan hệ liên kết, liên doanh để chuyển sang sản xuất trong nước các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao và vẫn giữ nguyên thương hiệu gốc của các tập đoàn nước ngoài; cuối cùng, tiến tới sản xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao nhờ các liên kết, liên doanh nhưng do Trung Quốc tự thiết kế và mang thương hiệu riêng của Trung Quốc.

+ Thành phố mở cửa, khu khai phát, doanh nghiệp liên doanh đóng vai trò hạt nhân thu hút

nguồn lực từ bên ngoài vào phát triển và lan tỏa công nghệ cao và mới ra toàn nền kinh tế.

+ Hệ thống CNC với các đặc điểm: Hình thành các khu CNC quốc gia từ các khu CNC địa phương⁵; Bên cạnh Chính phủ, chính quyền địa phương có vai trò rất lớn trong quản lý các khu CNC quốc gia; Sự đa dạng, phong phú của các khu CNC⁶; Phát triển khu CNC qua các giai đoạn khác nhau, tiến tới xây dựng các khu CNC tiêu chuẩn quốc tế và mang tính cân đối trong nền kinh tế⁷.

+ Chương trình và dự án KH&CN quốc gia là công cụ chủ lực, mang tính đột phá nhằm thực hiện vai trò đầy tham vọng về phát triển KH&CN. Các chương trình, dự án KH&CN quốc gia ở Trung Quốc gắn chặt với chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN quốc gia.

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo ra từ ứng dụng KH&CN thông qua kết hợp giữa

thị trường bên trong vốn rộng lớn với xuất khẩu ra thế giới; tích cực đón bắt các làn sóng mới của nhu cầu trên thị trường quốc tế.

Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc là những dẫn chứng khẳng định cần thiết và có thể sáng tạo cách đi riêng của các nước (và vùng lãnh thổ) đang phát triển trong gắn kết KH&CN và kinh tế.

3. Các lý luận về gắn kết giữa KH&CN và kinh tế phù hợp với nước đang phát triển

Thay vì tuyệt đối hóa lý luận hiện có của các nước phát triển, cần nhìn nhận rõ về các dạng lý luận khác nhau có thể tồn tại. Như minh họa tại Bảng 1, một mặt có lý luận riêng phù hợp với nước phát triển, lý luận riêng phù hợp với nước đang phát triển và lý luận chung cho cả nước phát triển và đang phát triển. Mặt khác, có lý luận hiện đã tồn tại và lý luận sẽ được phát hiện trong tương lai. Lý luận sẽ xuất hiện bao gồm phần về các đối tượng đã tồn tại mà chưa được nhận thức và phần về các đối tượng sẽ xuất hiện gắn với bối cảnh mới.

Bảng 1: Các dạng lý luận khác nhau theo loại nước phát triển, đang phát triển và theo thời gian

Theo loại nước / Theo thời gian	Lý luận phù hợp riêng với các nước phát triển	Lý luận chung cho cả nước phát triển và đang phát triển	Lý luận phù hợp riêng với các nước đang phát triển
Lý luận đã tồn tại	A	B	C
Lý luận sẽ được phát hiện trong tương lai	D	Đ	E

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

⁵Các khu CNC quốc gia không phải xây dựng từ đầu thông qua các dự án đầu tư của chính phủ mà được lựa chọn từ các khu CNC đã được xây dựng ở các địa phương, trải qua sự thẩm định của Ủy ban KHKT Nhà nước và được Chính phủ đồng ý phê chuẩn.

⁶Ví dụ so sánh giữa các khu CNC điển hình: Khu CNC Trung Quan Thôn chủ yếu nằm trong các trường đại học; Khu CNC Thượng Hải dựa vào doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; Khu CNC Thâm Quyển dựa vào doanh nghiệp trong nước. Sự đa dạng rất có ý nghĩa là cơ sở để phối hợp với nhau. Sự đa dạng là cần thiết khi còn chưa tìm ra được mô hình cụ thể. Đa dạng là cần thiết để phát huy sáng kiến và gắn với điều kiện đặc thù của từng vùng, từng khu. Thông qua từng trường hợp mà Trung Quốc phát hiện ra những tiềm năng phát triển. Ví dụ: nếu như Bắc Kinh chỉ ra tiềm năng liên kết của các trường đại học với doanh nghiệp, thì Thâm Quyển chỉ ra tiềm năng của doanh nghiệp trong phát triển CNC ...

⁷Các khu CNC đạt chuẩn quốc gia được phân thành các loại: Loại hướng tới đạt tiêu chuẩn số 1 thế giới, loại hướng tới đạt chuẩn Quốc tế; Loại mang tính khu vực, loại điều kiện chín muồi. Định hướng tăng cường liên kết và cân đối theo vùng của các khu CNC được thúc đẩy quá trình theo từng bước: Khu CNC (điểm), khu vực sản xuất công nghiệp (tuyến), khu tập trung với mật độ cao (lĩnh vực); Hình thành xu thế phát triển bắt đầu từ phía đông, phát triển sâu hơn ở phía Tây, rồi tiếp theo dẫn đến việc điều chỉnh cơ cấu sản xuất trên toàn quốc, cuối cùng là sự phát triển liên tục của nền kinh tế Trung Quốc.

Các nước đang phát triển cần không phải là dạng lý luận A và D, mà là B, C, Đ và E. Lý luận có ở các nước phát triển bao gồm A và B. Các nước đang phát triển có thể tìm hiểu B thông qua lý luận đã tồn tại ở các nước phát triển. Thực chất việc học hỏi/vận dụng của các nước đang phát triển đối với các nước phát triển chính là phân tách A và B. Các nước đang phát triển phải tự sáng tạo C và E. Để có Đ, các nước đang phát triển không nên trông chờ các lý luận sẽ được phát hiện trong tương lai của các nước phát triển (thường gồm có D và Đ) mà phải tự mình sáng tạo Đ. Chỉ có tự mình sáng tạo Đ (tức là cạnh tranh trực tiếp với các nước phát triển trong sáng tạo lý luận mới), các nước đang phát triển mới có thể vươn lên đuổi kịp các nước phát triển.

Như vậy, phạm vi của cách đi của các nước đang phát triển khá rộng lớn. Cách đi của các nước đang phát triển không phải chỉ khuôn trong lý luận hiện có của các nước phát triển mà còn liên quan tới nhiều dạng lý luận khác; Không phải chỉ có học hỏi, vận dụng kinh nghiệm của các nước phát triển mà còn có những cách thức khác. Các nước đang phát triển không thể hy vọng rằng toàn bộ những gì các nước phát triển có đều có ích cho mình và toàn bộ những gì mình cần đều có ở các nước phát triển.

Dựa vào các dạng lý luận theo các loại nước và thời gian, có thể phân biệt ra những trạng thái phát triển cơ bản khác nhau ở các nước đang phát triển: trì trệ và rối loạn, theo sau các nước phát triển, vươn lên đuổi kịp các nước phát triển (xem Bảng 2).

Bảng 2: Các trạng thái phát triển cơ bản ở các nước đang phát triển

Dạng lý luận	A	B	C	D	Đ	E
Trạng thái phát triển						
1. Trì trệ và rối loạn	X			X		
2. Theo sau các nước phát triển		X				
3. Vươn lên bắt kịp các nước phát triển		X	X		X	X

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Khi áp dụng lý luận riêng phù hợp với các nước phát triển, các nước đang phát triển không tránh khỏi trì trệ và cả những rối loạn do nỗ lực áp đặt những điều không phù hợp vào thực tế.

Khi áp dụng lý luận chung đã tồn tại, các nước đang phát triển có thể đạt được sự phát triển, nhưng luôn đi theo sau các nước phát triển – vốn là những nước đã từng khai thác triệt để lý luận này; ngoài ra, việc lan truyền lý luận chung đến các nước đang phát triển phụ thuộc vào thái độ của các nước phát triển (với tư cách là người nắm trong tay lý luận chung).

Khi áp dụng lý luận chung đã tồn tại cùng với lý luận chung sẽ được phát triển trong tương

lai và sáng tạo riêng các lý luận phù hợp với mình, nước đang phát triển có thể vươn lên bắt kịp các nước phát triển. Ở đây, mỗi dạng lý luận có một ý nghĩa cụ thể:

- Lý luận chung đã tồn tại giúp các nước đang phát triển tận dụng kết quả của các nước phát triển.

- Lý luận riêng phù hợp với các nước đang phát triển giúp nước đang phát triển tạo lợi thế mà nước phát triển không có được.

- Lý luận chung sẽ được phát triển giúp các nước đang phát triển cạnh tranh trực tiếp với các nước phát triển trên con đường chung mở ra cho tất cả các nước.

- Lý luận chung giúp các nước đang phát triển không vì nhấn mạnh lý luận riêng mà chệch hướng phát triển chung.

Trên thực tế tồn tại tất cả các trạng thái nêu trên ở các nước đang phát triển. Điều này có nghĩa là đang có nhiều cách áp dụng các dạng lý luận khác nhau. Để có quan hệ gắn kết

KH&CN và kinh tế tốt nhất, cần chú trọng từ việc lựa chọn áp dụng lý luận phù hợp.

Các dạng lý luận cũng có ý nghĩa phân tích quan hệ đối kháng giữa nước đang phát triển và nước phát triển. Quy chiếu theo các dạng lý luận có thể thấy điểm mạnh và điểm yếu của các nước phát triển và đang phát triển (*xem Bảng 3*).

Bảng 3: Mạnh, yếu của các nước phát triển và nước đang phát triển theo các dạng lý luận

Dạng lý luận \ Mạnh - yếu các nước	Nước phát triển		Nước đang phát triển	
	Mạnh	Yếu	Mạnh	Yếu
A	Tuyệt đối			Tuyệt đối
B	Lợi thế hơn	Có thể bị khai thác	Có thể bị khai thác	Tương đối lớn. Có thể bị các nước phát triển chủ động hạn chế tiếp cận
C		Tuyệt đối	Tuyệt đối	
D	Tuyệt đối			Tuyệt đối
Đ	Lợi thế nhất định	Có thể thất bại trong cạnh tranh	Lợi thế nhất định	Có thể thất bại trong cạnh tranh
E		Tuyệt đối	Tuyệt đối	

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Các nước phát triển có những điểm mạnh nhưng không phải không có điểm yếu. Các nước đang phát triển có các điểm yếu nhưng không phải không có điểm mạnh. Mặc dù nhìn chung các nước phát triển mạnh hơn các nước đang phát triển, nhưng vẫn có những cơ hội nhất định cho các nước đang phát triển trong cạnh tranh với các nước phát triển.

Các nội dung trình bày tại Bảng 3 gợi mở về cách ứng phó của các nước đang phát triển trong quan hệ đối kháng với các nước phát triển như:

- Loại bỏ dạng lý luận A và B khỏi phạm vi nỗ lực áp dụng vào các nước đang phát triển.
- Tích cực áp dụng dạng lý luận B.
- Tích cực tìm kiếm, sáng tạo dạng lý luận D.
- Phát huy tối đa dạng lý luận C và E.

Quyết định cuối cùng giúp nước đang phát triển bắt kịp các nước phát triển chính là dạng lý luận Đ. Ở đây diễn ra cuộc chiến giữa nước đang phát triển và nước phát triển. Nhấn mạnh đến dạng lý luận Đ cũng chỉ ra khó khăn phải vượt qua để nước đang phát triển bắt kịp các nước phát triển.

Với những ứng phó nêu trên, nước đang phát triển cần thiết và có thể chủ động tiếp cận các nước phát triển từ nhiều phía: từ phía sau (tập hậu) để có được dạng lý luận B; từ phía trước (võ mặt) với dạng lý luận C và E; từ phải, trái (thọc sườn) với dạng lý luận Đ. Dựa theo cách nói của Hegel⁸ “cái gì tồn tại thì hợp lý, cái gì

⁸ Georg Wilhelm Friedrich Hegel: Triết gia duy tâm chủ quan Đức, nổi tiếng với lý luận về phép biện chứng.

hợp lý thì tồn tại”, chúng ta có thể nói “người mạnh thì có lợi thế, người có lợi thế thì mạnh”.

Trước thực tế một số nước (và vùng lãnh thổ) đang phát triển vươn lên bắt kịp các nước phát triển như Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc, lý luận của các nước phát triển chỉ mới có thể giải mã được một phần, còn lại là sự lúng túng. Thuật ngữ thường được dùng để ám chỉ thành công vượt bậc của một số nước đang phát triển là “thần kỳ”. “Thần kỳ” có nghĩa là không lý giải được điều đã diễn ra trên thực tế. Các nước phát triển hiện có dạng lý luận A và B. Dựa vào dạng lý luận A và B có thể lý giải một phần thành công vượt bậc của các nước đang phát triển. Lúng túng là bởi không rõ tại sao

nước đang phát triển vẫn vươn lên mạnh mẽ mặc dù không có dạng lý luận A và D, và không rõ tại sao dạng lý luận C và E phát huy tốt ở nước đang phát triển lại không có ở nước phát triển; Không rõ tại sao nước đang phát triển có thể tiếp cận được dạng lý luận Đ.

Chỉ có mở rộng vượt ngoài lý luận hiện có của các nước phát triển (khắc phục quan điểm tuyệt đối hóa lý luận của các nước phát triển và cho rằng các nước phát triển luôn đi trước về mặt lý luận) mới có thể lý giải thực tế đã diễn ra và tinh táo nhận biết con đường tiến lên của các nước đang phát triển để bắt kịp các nước phát triển♦

Tài liệu tham khảo:

1. Dieter Ernst (2010): *China's innovation policy is a wakeup call for America*, Analysis from the EastWest Center, No. 100. 5.
2. Hoàng Gia Thọ (2014): *Đài Loan tiến trình hóa rồng*, NXB. Thế giới Hà Nội.
3. Hoàng Văn Hiến (2008): *Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Hàn Quốc (1961 - 1993) và kinh nghiệm đối với Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia Hà Nội.
4. Hoàng Xuân Long (2006): *Đặc điểm trong phát triển khu công nghệ cao quốc gia ở Trung Quốc*, Tạp chí Hoạt động Khoa học, số 10.
5. Hoàng Xuân Long (1995): *Mấy ý kiến về mô hình Đông Á*, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế thế giới, số tháng 10.
6. Hoàng Xuân Long (1993): *Sự phát triển nhảy vọt để trở thành nước công nghiệp mới*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 4.
7. Hoàng Xuân Long (1994): *Tập trung chuẩn bị tiền đề cho phát triển kinh tế nhảy vọt*, Tạp chí thông tin lý luận, số 2.
8. Hoàng Xuân Long (2004): *Vấn đề gắn kết nghiên cứu khoa học với sản xuất ở Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số tháng 10.
9. Issue brief (2010): *New development in China's domestic innovation and procurement policies*. The USChina Business Council, No.1.
10. Mai Thị Thanh Xuân (2011): *Một số mô hình công nghiệp hóa trên thế giới và Việt Nam*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Ngô Đăng Thành (2009): *Các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Thông tin tác giả:

PGS.TS. HOÀNG XUÂN LONG

HOÀNG LAN CHI

Email:

Viện Chiến lược và Chính sách khoa học công nghệ

Bộ Khoa học và Công nghệ

hoangxuan_long@yahoo.com